**ÔN TẬP NGỮ VĂN 6 - HỌC KÌ 2**

* **PHẦN VĂN BẢN:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên tác phẩm** | **Tác giả** | **Thể loại** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| **1. Bài học đường đời đầu tiên** | Tô Hoài | Truyện  ( Đoạn trích ) | Bài văn miêu tả Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng của tuổi trẻ nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi. Do bày trò trêu chị Cốc đã gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình. | - Kể chuyện kết hợp với miêu tả.  - Xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ.  - Sử dụng hiệu quả các phép tu từ.  - Lựa chọn lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc. |
| **2. Sông nước Cà Mau** | Đoàn Giỏi | Truyện  (Đoạn trích) | Cảnh sông nước Cà Mau có vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ, đầy sức sống hoang dã. Chợ Năm Căn là hình ảnh cuộc sống tấp nập, trù phú, độc đáo ở vùng tận cùng phía nam Tổ quốc | -Miêu tả từ bao quát đến cụ thể.  - Lựa chọn từ ngữ gợi hình, chính xác kết hợp với việc sử dụng các phép tu từ.  - Sử dụng ngôn ngữ địa phương.  - Kết hợp miêu tả và thuyết minh. |
| **3. Bức tranh của em gái tôi** | Tạ Duy Anh | Truyện ngắn | Qua câu chuyện về người anh và cô em gái có tài hội họa, truyện bức tranh của em gái tôi cho thấy: Tình cảm trong sáng và lòng nhân hậu của người em gái đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình. | - Kể chuyện bằng ngôi thứ nhất tạo nên sự chân thật cho câu chuyện.  - Miêu tả chân thực diễn biến tâm lí của nhân vật. |

* **PHẦN TIẾNG VIỆT:**
* ***Từ loại:* Phó từ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khái niệm** | **Các loại phó từ** | |
| **Phó từ đứng trước** | **Phó từ đứng sau** |
| *Phó từ là những từ chuyên đi kèm động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ.*  Ví dụ : Em **đang** học bài . | Có tác dụng bổ sung một số ý nghĩa:  - Về thời gian ( đã, đang, sẽ...)  - Về mức độ( rất, hơi, quá...),  - Sự tiếp diễn tương tự ( cũng, vẫn, cứ, còn...)  - Sự phủ định ( không, chưa, chẳng)  - Chỉ sự cầu khiến ( hãy, chớ, đừng) | Có tác dụng bổ sung một số ý nghĩa:  - Về mức độ ( quá, lắm...), - - Về kết quả và hướng (được...),  - Về khả năng ( ra, vào, đi...) |

* ***Các biện pháp tu từ:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **So sánh** | **Nhân hóa** | **Ẩn dụ** | **Hoán dụ** |
| **Khái niệm** | Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. | Là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người, làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật trở nên gần gũi với con người, biểu thị những suy nghĩ tình cảm của con người. | Là gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. | Là gọi tên sự vật, hiện tượng,khái niệm bằng tên sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có nét quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. |
| **Ví dụ** | Anh em *như thể* chân tay | Ông trời mặc áo giáp đen  ra trận | Ăn quả nhớ kẻ trồng cây. ( ăn quả : chỉ người hưởng thụ; trồng cây : chỉ người làm ra ) | *Lớp* ta học chăm chỉ. |
| **Các kiểu** | \* Có 2 kiểu so sánh :  + So sánh ngang bằng,:  ( Từ so sánh: **như, giống như, tựa, y hệt, y như, như là...**)  +so sánh không ngang bằng.  ( Từ so sánh: **hơn, thua, chẳng bằng ...** | \*Có 3 kiểu nhân hóa :  - Dùng những từ vốn gọi người để gọi vật.  - Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật.  - Trò chuyện, xưng hô với vật như đối với người. | \* Có 4 kiểu ẩn dụ:  - Ẩn dụ hình thức.  - Ẩn dụ cách thức  - Ẩn dụ phẩm chất.  - Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. | \* Có 4 kiểu hoán dụ:  - Lấy bộ phận để gọi toàn thể.  - Lấy cái cụ thể để gọi cái trìu tượng.  - Lấy dấu hiệu sự vật để gọi sự vật.  - Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng |

* **PHẦN TẬP LÀM VĂN:**

**KIỂU BÀI: VĂN MIÊU TẢ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Thế nào là văn miêu tả?**  **Văn miêu tả là** loại **văn** nhằm giúp người đọc, người nghe hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của sự vật, sự việc, con người, phong cảnh,… làm cho những cái đó như hiện lên trước mắt người đọc, người nghe. Trong **văn miêu tả**, năng lực quan sát của người viết, người nói thường được bộc lộ rõ nhất | | |
| ***2. Dàn bài chung của văn tả cảnh và văn tả người.*** | | |
|  | **Dàn bài chung về văn tả cảnh** | **Dàn bài chung về văn tả người** |
| **Mở bài** | Giới thiệu cảnh được tả : Cảnh gì ? Ở đâu ? Lý do tiếp xúc với cảnh ? Ấn tượng chung ? | Giới thiệu người định tả : Tả ai ? Người được tả có quan hệ gì với em ? Ấn tượng chung ? |
| **Thân bài** | a. Bao quát : Vị trí ? Chiều cao hoặc diện tích ? Hướng của cảnh ? Cảnh vật xung quanh ?  b. Tả chi tiết : ( Tùy từng cảnh mà tả cho phù hợp)  \* Từ bên ngoài vào ( từ xa) : Vị trí quan sát ? Những cảnh nổi bật ? Từ ngữ, hình ảnh gợi tả ?...  \* Đi vào bên trong ( gần hơn) : Vị trí quan sát ? Những cảnh nổi bật ? Từ ngữ, hình ảnh gợi tả ?...  \* Cảnh chính hoặc cảnh quen thuộc mà em thường thấy ( rất gần) : Cảnh nổi bật ? Từ ngữ hình ảnh miêu tả... | a. Ngoại hình : Tuổi tác ? Tầm vóc ? Dáng người ? Khuôn mặt ? Mái tóc ? Mắt ? Mũi ? Miệng ? Làn da ? Trang phục ?...( Từ ngữ, hình ảnh miêu tả)  b. Tả chi tiết : ( Tùy từng người mà tả cho phù hợp)  \* Nghề nghiệp, việc làm ( Cảnh vật làm việc + những động tác, việc làm...). Nếu là học sinh, em bé : Học, chơi đùa, nói năng...( Từ ngữ, hình ảnh miêu tả)  \* Sở thích, sự đam mê : Cảnh vật, thao tác, cử chỉ, hành động...( Từ ngữ, hình ảnh miêu tả)  \* Tính tình : Tình yêu thương với những người xung quanh : Biểu hiện ? Lời nói ? Cử chỉ ? Hành động ?( Từ ngữ, hình ảnh miêu tả) |
| **Kết bài** | Cảm nghĩ chung sau khi tiếp xúc; Tình cảm riêng hoặc nguyện vọng của bản thân ?... | Tình cảm chung về người em đã tả ? Yêu thích, tự hào, ước nguyện ?... |
| ***Chú ý:*** | ***Trong quá trình miêu tả cần vận dụng các thao tác quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét, và dùng nhiều từ láy để bài viết sinh động hơn.*** | |